



zhǎng zǐ

长子

noun · eldest son

Example Sentences

Tā shì jiā lǐ de zhǎng zǐ
他是家里的长子。

He is the eldest son in the family.

Zhǎng zǐ tōng cháng yào chéng dān gèng duō zé rèn
长子通常要承担更多责任。

The eldest son usually has to take on more responsibilities.

Trace each character, then write the word on your own.

长	长	长	长	长	长	长													
子	子	子	子	子	子														